

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2019

Về việc: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Đoàn Thị Kiều Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Phương và ông Trần Lộc

- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** bà Cao Thị Vân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên toà:***
Ông Đặng Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Diễn Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự, thụ lý số: 94/2019/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Bùi Thị T, sinh năm 1990

Trú tại: xóm 3, xã T, huyện D, tỉnh Nghệ An

(*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

- ***Bị đơn:*** Anh Phan Văn Q, sinh năm 1989

Trú tại: xóm 7, xã T, huyện D, tỉnh Nghệ An

(*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

- ***Người phiên dịch cho anh Phan Văn Q:*** Ông Phan Văn V (bố đẻ anh Q), sinh năm

Trú tại: xóm 7, xã T, huyện D, tỉnh Nghệ An (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 02 năm 2019, được bổ sung tại bản tự khai ngày 18 tháng 06 năm 2019 nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Phan Văn Q kết hôn với nhau vào ngày 28/12/2012, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D, tỉnh Nghệ An. Sau ngày cưới hai vợ

chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Phan Văn Q là người cầm đũa bầm sinh nên vợ chồng không thể tâm sự, chia sẻ với nhau về mọi việc trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm ngày càng xa cách. Đến năm 2017, do cảm thấy cuộc sống vợ chồng quá ngột ngạt, căng thẳng nên chị đi ra HN làm, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 3/2018 đến nay. Nay xét thấy tình cảm giữa chị và anh Q không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện D giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Phan Bá T, sinh ngày 24/01/2014, hiện nay đang ở với anh Q và ông bà nội. Do hiện nay điều kiện kinh tế của chị không đủ để nuôi con nên ly hôn chị có nguyện vọng giao con cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục dưới sự hỗ trợ của ông bà nội.

Tài sản chung và nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 18/6/2019, chị Bùi Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt do chị cũng phải đi làm ăn xa nên chị đề nghị Tòa án không hòa giải vì hai bên không thu xếp được thời gian để đến tòa án, chị đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục để giải quyết vụ án theo quy định.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Diên Châu đã tiến hành giao nhận Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Bùi Văn Q. Ngày 24/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, ông Phan Văn V (bố đẻ anh Q) đến và làm việc trực tiếp, ông V cam kết làm người phiên dịch cho anh Q do anh Q bị cầm đũa bầm sinh, có biết chữ và viết được nhưng không viết được dài và đầy đủ các nội dung theo yêu cầu, ông sẽ chịu trách nhiệm phiên dịch đầy đủ, chính xác các nội dung anh Q trình bày; ông đã nộp cho Tòa án các thủ tục về xác nhận quan hệ nhân thân giữa ông và anh Phan Văn Q, tình trạng hôn nhân của chị T và anh Q. Tại bản tự khai của anh Phan Văn Q đề ngày 08/7/2019, nêu rõ: về tình cảm, anh xác định giữa anh và chị Bùi Thị T xảy ra mâu thuẫn do anh bị cầm đũa, vợ chồng không tâm sự, chia sẻ được với nhau; mặt khác cuối năm 2017, chị T đi làm ở Hà Nội và có quan hệ với người đàn ông khác dẫn đến việc cắt đứt liên lạc và sống ly thân anh, muốn ly hôn anh. Nay do điều kiện công việc không thu xếp nghỉ được, mặt khác anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T thiếu tôn trọng và không chung thủy với anh nên anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có một con chung Phan Bá T, sinh ngày 24/01/2014, ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con vì cháu lâu nay sống cùng bố và ông bà nội. Về tài sản chung và nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Phan Văn Q có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và đơn yêu cầu giải quyết ly hôn vắng mặt. Sau khi nhận được các tài liệu của anh

Q, Tòa án đã tiến hành các thủ tục để giải quyết vụ án vắng mặt theo yêu cầu của bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đánh giá trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Tòa án mở phiên tòa đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án. Các đương sự đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý, Thông báo hợp kiểm tra chứng cứ và hòa giải và cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết ly hôn vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định tại điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Tòa án áp dụng các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Phan Văn Q; về con chung: cháu Phan Bá T, sinh ngày 24/01/2014 hiện đang ở với anh Q, theo nguyện vọng của chị T cũng như yêu cầu của anh Q giao cháu Phan Bá T cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, việc cấp dưỡng hai bên không yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung chị T và anh Q không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 điều 28 BLTTDS. Bị đơn anh Phan Văn Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS.

[1.2] Quá trình giải quyết tại tòa án, chị Bùi Thị T và anh Phan Văn Q đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Do đó căn cứ vào các điều 70; điều 207; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị T và anh Q.

[1.3] Về việc xác định tư cách người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Phan Văn Q là người khuyết tật bị câm điếc bẩm sinh, có biết chữ và viết được nhưng không viết được dài và đầy đủ các nội dung theo yêu cầu. Ông Phan Văn V là bố đẻ của

anh Q, có thể biết được ngôn ngữ, ký hiệu của anh Q. Do đó căn cứ điều 81 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định ông Phan Văn V là người phiên dịch cho anh Q là phù hợp. Ông V cũng cam kết tất cả những nội dung mà anh Q đã trình bày thông qua các văn bản đã gửi cho Tòa án đều chính xác, thể hiện ý chí nguyện vọng của anh Q.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng: Hôn nhân giữa chị T và anh Q là hợp pháp, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian ngắn chung sống hạnh phúc giữa chị T và anh Q đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ngôn ngữ, không tâm sự, trao đổi trực tiếp với nhau nên không hiểu được nhau, dẫn tới mâu thuẫn về tính tình, bất đồng về quan điểm và mục đích sống. Bởi vậy chị T và anh Q đã chính thức sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng. Quá trình giải quyết chị T và anh Q đều xác định không còn tình cảm gì với nhau nữa, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau, như vậy chứng tỏ rằng mối quan hệ giữa chị T và anh Q đã thực sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi vậy cần áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Phan Văn Q.

[2.2] Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Phan Văn Q có 01 con chung tên Phan Bá T, sinh ngày 24/01/2014; Mặc dù anh Q là người bị khuyết tật bẩm sinh, nhưng từ khi cháu T được sinh ra cho đến nay đều ở với anh Q, được ông bà nội và bố yêu thương, chăm sóc và tạo mọi điều kiện tốt nhất cho việc sinh hoạt và học tập. Hơn nữa theo trình bày của chị Bùi Thị T, chị cũng không có điều kiện để chăm sóc con do công việc không ổn định nên chị cũng có nguyện vọng muốn giao con cho anh Q và ông bà nội chăm sóc thì tốt hơn. Bởi vậy để đảm bảo sự phát triển toàn diện cho cháu T, Hội đồng xét xử nghĩ cần giao con chung cho anh Phan Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với tình hình thực tế và nguyện vọng của chị T và anh Q. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh Q không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: chị Bùi Thị T và anh Phan Văn Q không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự chị Bùi Thị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 điều 147 BLTTDS và Pháp lệnh về lệ phí, án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35; điều 81; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56; điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Phan Văn Q

2. Về con chung: Giao con chung Phan Bá T, sinh ngày 24/01/2014 cho anh Phan Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Bùi Thị T.

Chị Bùi Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về việc chia tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, án phí của chị T được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D theo biên lai thu tiền số 0004629 ngày 06/5/2019.

5. Quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T và anh Phan Văn Q vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Nghệ an;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đoàn Thị Kiều Hương

